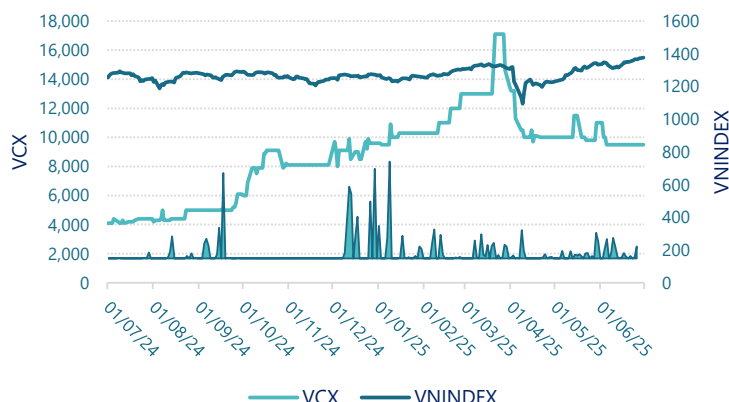


CTCP Xi măng Yên Bình (UPCOM: VCX)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	9,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	17,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,100
SL cổ phiếu LH	26,530,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	300
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	252
P/E	10.5
EPS	905

DT thuần

Q2/25

221

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 19.0 | 9.5%

YoY: ▲ 22.0 | 11.2%

LN sau thuế

Q2/25

8.36

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.72 | 48.2%

YoY: ▼ 0.04 | -0.5%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

6.7%

+/- YoY: ▼ 0.8%

DT thuần

6T 2025

423

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 42.0 | 11.0%

LN sau thuế

6T 2025

14.0

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1.50 | 12.4%

ROE

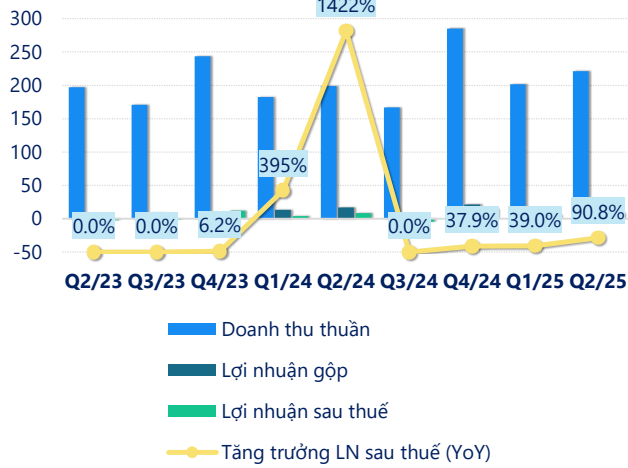
Q2/25

10.0%

+/- YoY: ▼ 0.6%

tỷ VNĐ

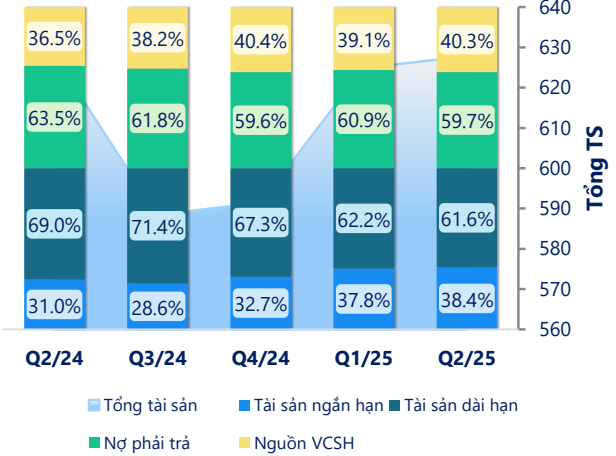
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

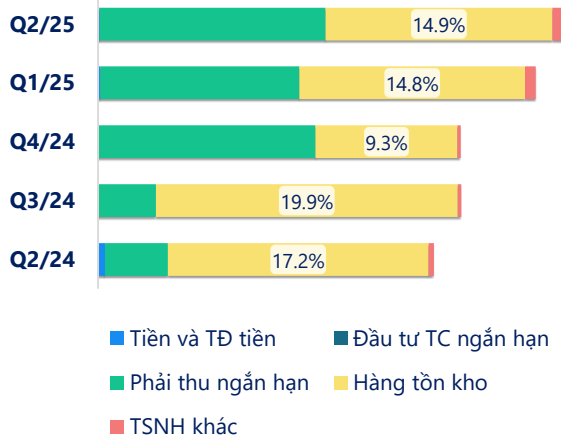
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



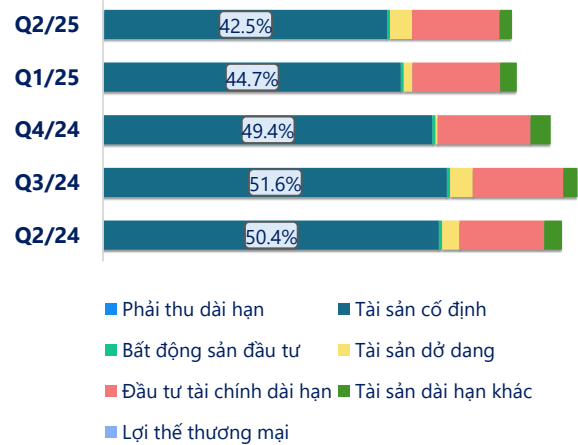
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

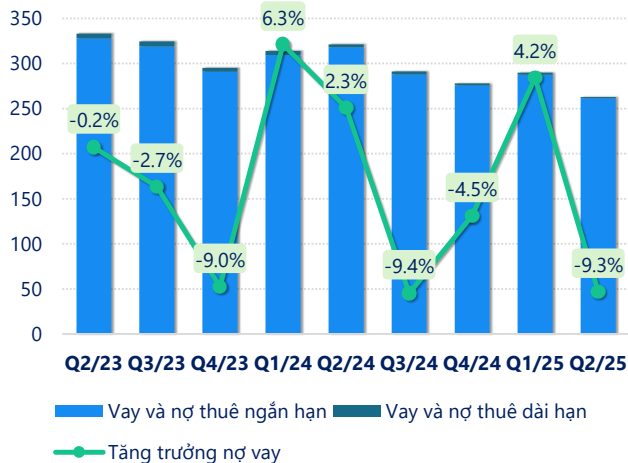
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

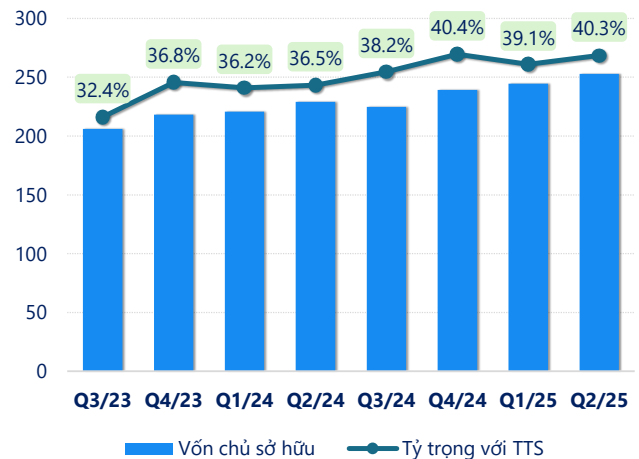
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

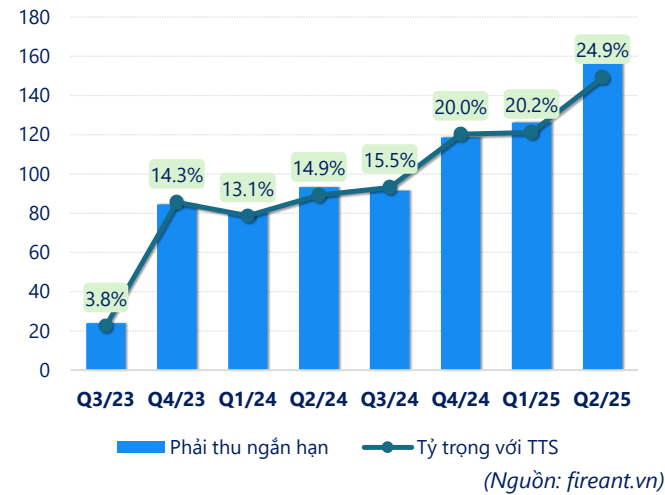
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

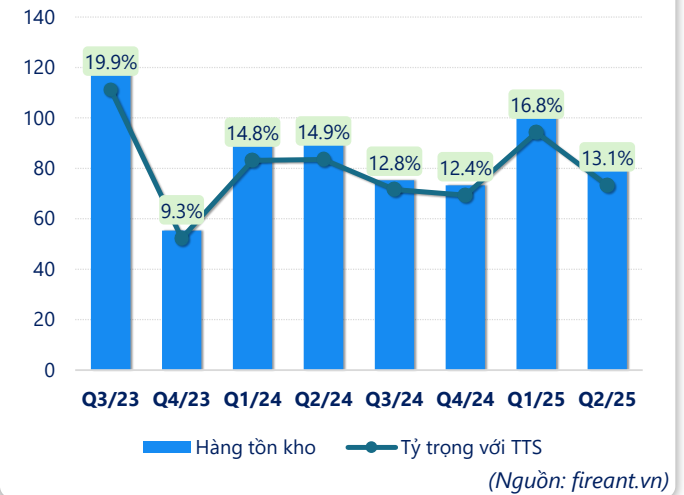


(Nguồn: fireant.vn)

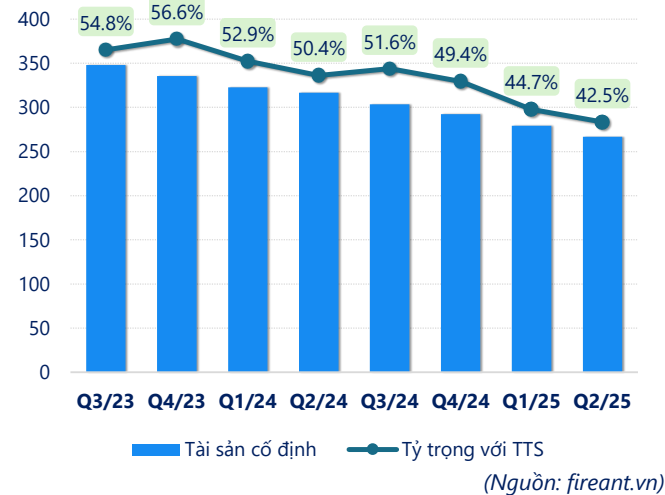
tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


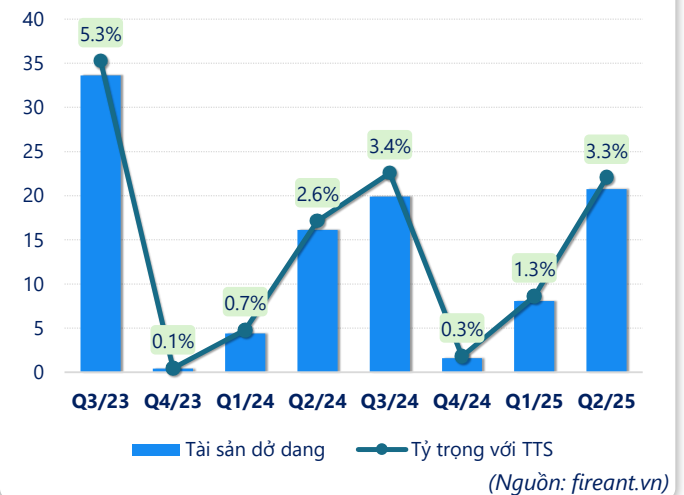
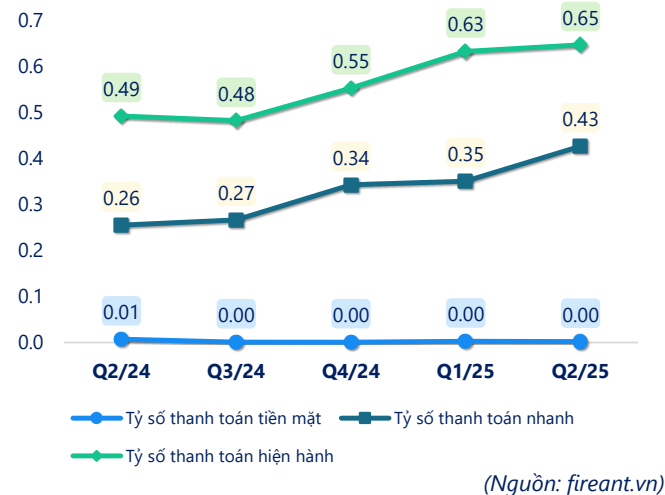
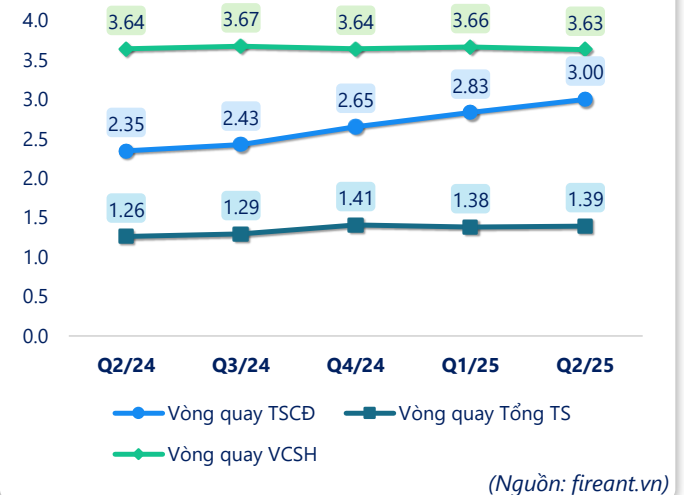
tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


tỷ VNĐ

Tài sản cố định


tỷ VNĐ

Tài sản dở dang

Chỉ số thanh khoản

Vòng quay tài sản


CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	628	588	591	625	628
Tài sản ngắn hạn	194	168	193	236	241
Tiền và tương đương tiền	2.82	0.25	0.30	0.93	0.72
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	93.3	91.4	119	126	156
Hàng tồn kho	93.7	75.2	73.3	105	82.2
Tài sản ngắn hạn khác	4.53	1.51	0.96	3.66	2.33
Tài sản dài hạn	433	420	398	389	386
Phải thu dài hạn	0.75	0.75	0.75	0.75	1.32
Tài sản cố định	317	304	292	279	267
Bất động sản đầu tư	3.11	3.03	2.94	2.86	2.77
Tài sản dở dang	16.1	19.9	1.60	8.07	20.8
Đầu tư tài chính dài hạn	80.2	80.2	82.7	82.6	82.8
Tài sản dài hạn khác	16.7	12.5	17.9	15.5	11.9
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	399	364	352	380	375
Nợ ngắn hạn	395	349	349	373	373
Vay và nợ thuê ngắn hạn	318	288	276	287	262
Phải trả người bán ngắn hạn	51.9	46.8	55.8	68.0	82.4
Nợ dài hạn	4.09	14.6	3.00	7.50	1.90
Vay và nợ thuê dài hạn	3.32	3.32	2.21	2.21	1.11
Nguồn vốn chủ sở hữu	229	225	239	245	253
Vốn chủ sở hữu	229	225	239	245	253
Vốn điều lệ	265	265	265	265	265
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)